

Số: 02/TB-ĐHQN

Bình Định, ngày 02 tháng 01 năm 2018

THÔNG BÁO SỐ 1 **Về việc tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ, đợt 1 năm 2018**

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 5508/QĐ-ĐHQN ngày 12/11/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn và Kế hoạch đào tạo sau đại học năm học 2017-2018, Trường Đại học Quy Nhơn thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ, đợt 1 năm 2018 với các nội dung như sau:

1. Các chuyên ngành tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh và môn thi tuyển sinh

1.1. Các chuyên ngành tuyển sinh

TT	Tên chuyên ngành	TT	Tên chuyên ngành
1	Địa lý tự nhiên	10	Ngôn ngữ học
2	Hóa vô cơ	11	Quản lý giáo dục
3	Hóa lý thuyết và Hóa lý	12	Sinh học thực nghiệm
4	Kế toán	13	Văn học Việt Nam
5	Khoa học máy tính	14	Vật lý chất rắn
6	Kỹ thuật điện	15	Đại số và Lý thuyết số
7	Kỹ thuật viễn thông	16	Toán Giải tích
8	Lịch sử Việt Nam	17	Phương pháp Toán sơ cấp
9	Ngôn ngữ Anh		

1.2. Chỉ tiêu tuyển sinh: Tổng chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến) cho tất cả các chuyên ngành: **538**

1.3. Các môn thi tuyển sinh:

Thí sinh dự thi 03 môn, gồm môn ngoại ngữ, môn chủ chốt của ngành và môn chuyên ngành.

- Môn thi thứ nhất (môn ngoại ngữ): Thí sinh dự thi chuyên ngành Ngôn ngữ Anh thi môn Tiếng Pháp, thí sinh dự thi các chuyên ngành còn lại thi môn Tiếng Anh.

- Môn thi thứ hai (môn chủ chốt của ngành) là môn thi có thể kiểm tra kiến thức một môn học hoặc tích hợp kiểm tra kiến thức một số môn học của trình độ đại học.

- Môn thi thứ ba (môn chuyên ngành) là môn thi chủ yếu của ngành, chuyên ngành đào tạo, được xác định theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

Môn thi chủ chốt của ngành và môn thi chuyên ngành của các chuyên ngành tuyển sinh xem tại **Phụ lục 1** của Thông báo này.

2. Mục tiêu, thời gian và địa điểm đào tạo

2.1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo trình độ thạc sĩ giúp cho người học bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong một lĩnh vực khoa học hoặc kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo.

2.2. Hình thức và thời gian đào tạo

- Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy, bao gồm chính quy tập trung (tập trung học liên tục) và chính quy không tập trung (tập trung từng đợt).

- Thời gian đào tạo: 02 năm học.

2.3. Địa điểm đào tạo: Tại Trường Đại học Quy Nhơn, 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Điều kiện dự thi

Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải thỏa mãn các điều kiện sau:

3.1. Về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp đại học ngành *đúng*, ngành *phù hợp* với ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi.

b) Đã tốt nghiệp đại học ngành *gần* với ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi và đã học bổ sung kiến thức theo quy định.

c) Riêng đối với chuyên ngành Quản lý giáo dục:

- Người đăng ký dự thi có bằng tốt nghiệp đại học ngành *đúng*, ngành *phù hợp* với chuyên ngành Quản lý giáo dục. Trường hợp này người dự thi không phải học bổ sung kiến thức.

- Nếu bằng tốt nghiệp đại học (hệ chính quy hoặc vừa làm vừa học hoặc liên thông/chuyên tu/ hoàn chỉnh kiến thức/từ xa) thuộc ngành *gần*, ngành khác với chuyên ngành Quản lý giáo dục, người dự thi phải học bổ sung kiến thức theo quy định.

Danh mục các ngành/chuyên ngành *đúng*, *phù hợp*, *gần* với ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi xem tại **Phụ lục 2** của Thông báo này.

3.2. Về kinh nghiệm công tác

a) Đối với chuyên ngành Quản lý giáo dục

- Người có bằng đại học ngành *đúng*, ngành *phù hợp* với chuyên ngành Quản lý giáo dục được tham dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

- Người có bằng đại học thuộc ngành gần phải có ít nhất **01** năm kinh nghiệm công tác; đối với người có bằng đại học ngành khác phải có ít nhất **02** năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

b) Đối với chuyên ngành khác: Không yêu cầu về kinh nghiệm công tác.

3.3. *Lý lịch bản thân rõ ràng*, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi thí sinh đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú của thí sinh xác nhận.

3.4. *Có đủ sức khoẻ để học tập.*

3.5. *Nộp hồ sơ, lệ phí dự thi đầy đủ, đúng thời hạn* theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Hội đồng Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Trường Đại học Quy Nhơn.

3.6. *Về kết quả học bổ sung kiến thức*

Đối với các thí sinh dự thi thuộc đối tượng phải học bổ sung kiến thức, thí sinh đăng ký học bổ sung kiến thức tại Trường Đại học Quy Nhơn hoặc các cơ sở đào tạo khác và có bảng điểm môn học trước khi dự thi cao học.

4. Miễn thi ngoại ngữ

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu thi môn ngoại ngữ của Trường Đại học Quy Nhơn thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tối thiểu từ cấp độ 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 02 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một trong các trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trong các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận và chứng chỉ ngoại ngữ cấp độ 3/6 do Trường Đại học Quy Nhơn cấp.

5. Đối tượng và chính sách ưu tiên

5.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học;

e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a Mục 5.1.

5.2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc các đối tượng ưu tiên quy định tại Mục 5.1 được cộng vào kết quả thi 01 điểm (thang điểm 10) cho môn thi chủ chốt của ngành và cộng 10 điểm (thang điểm 100) cho môn ngoại ngữ nếu người dự thi không thuộc diện được miễn thi môn ngoại ngữ.

5.3. Các loại giấy tờ cần nộp để hưởng chính sách ưu tiên

- Hợp đồng lao động (có công chứng), quyết định tiếp nhận hoặc điều động, biệt phái công tác có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và xác nhận của xã/phường về việc cơ quan đó nằm trong khu vực được ưu tiên (đối tượng a Mục 5.1).

- Bản sao thẻ thương binh/bệnh binh (có công chứng), các loại giấy tờ xác nhận có liên quan (đối tượng b,c,d,đ Mục 5.1).

- Bản sao chứng minh nhân dân, giấy khai sinh hoặc hộ khẩu có xác nhận của địa phương nơi cư trú (đối tượng e Mục 5.1).

6. Hồ sơ đăng ký dự thi

Hồ sơ đăng ký dự thi bao gồm các loại giấy tờ sau:

(1) 01 Đơn đăng ký dự thi (theo mẫu của Trường Đại học Quy Nhơn);

(2) Sơ yếu lý lịch (theo mẫu của Trường Đại học Quy Nhơn) có thời hạn không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ thi, được xác nhận bởi thủ trưởng cơ quan quản lý nhân sự hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú của thí sinh;

(3) 01 bản sao có công chứng các giấy tờ sau:

- Bằng và bảng điểm tốt nghiệp đại học;

- Bằng và bảng điểm tốt nghiệp cao đẳng (nếu có);

- Bằng và bảng điểm đại học hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có);

- Chứng chỉ bổ sung kiến thức (nếu có);

- Giấy xác nhận kinh nghiệm công tác chuyên môn (đối với thí sinh dự thi chuyên ngành Quản lý giáo dục);

- Các loại giấy tờ xác nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

(4) 01 giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa có thời hạn không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi;

(5) 03 ảnh màu cỡ 3 x 4 (ghi rõ họ tên, ngày sinh và nơi sinh của thí sinh vào mặt sau ảnh);

(6) 02 phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ liên hệ của thí sinh;

(7) Giấy chứng nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo về các văn bằng tốt nghiệp do các cơ sở đào tạo đại học nước ngoài cấp.

7. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ và lệ phí dự thi

7.1. Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày ra Thông báo **đến hết ngày 20/4/2018**.

7.2. Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Quy Nhơn: P.46-Nhà 15 tầng, 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

7.3. Lệ phí dự thi: **420.000** đồng/01 hồ sơ đăng ký dự thi, trong đó:

a) Lệ phí xử lý hồ sơ: 60.000 đồng/01 hồ sơ đăng ký dự thi;

b) Lệ phí thi: 120.000đ/01 môn thi x 3 môn thi = 360.000 đồng.

Thí sinh đăng ký tham gia dự tuyển nộp lệ phí tại Phòng Kế hoạch-Tài chính của Trường (P.21-Nhà 15 tầng) trước khi nộp hồ sơ dự thi tại Phòng Đào tạo sau đại học.

8. Kế hoạch tổ chức học bổ sung kiến thức

8.1. Hồ sơ đăng ký học bổ sung kiến thức

Thí sinh thuộc diện học bổ sung kiến thức **phải đăng ký học bổ sung kiến thức**. Hồ sơ đăng ký học bổ sung kiến thức nộp tại Phòng Đào tạo sau đại học, bao gồm:

- Đơn đăng ký học bổ sung kiến thức (*theo mẫu*);
- Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học.

Danh mục các môn học bổ sung kiến thức được Nhà trường thông báo cho từng thí sinh trước ngày tổ chức lớp học.

8.2. Thời gian học và thi các môn bổ sung kiến thức

a) Thời gian đăng ký học bổ sung kiến thức:

Từ ngày ra Thông báo **đến hết ngày 02/3/2018**.

b) Thời gian học và thi các môn bổ sung kiến thức:

Từ ngày **03/3/2018** đến ngày **30/03/2018**.

Căn cứ vào số lượng thí sinh đăng ký học bổ sung kiến thức, Nhà trường sẽ thông báo trực tiếp thời gian học và thi các môn bổ sung kiến thức đến từng thí sinh.

9. Kế hoạch ôn tập các môn thi tuyển sinh

- Thí sinh đăng ký tham gia lớp ôn tập các môn thi tuyển sinh nộp tiền ôn tập tại Phòng Kế hoạch - Tài chính và nhận Thẻ ôn tập tại Phòng Đào tạo sau đại học từ ngày ra Thông báo **đến hết ngày 30/3/2018**.

- Thời gian tổ chức ôn tập: Từ ngày **31/3/2018** đến ngày **06/5/2018** (*học vào các ngày thứ Bảy và Chủ Nhật hàng tuần*).

10. Thời gian thi tuyển và địa điểm tổ chức thi tuyển

10.1. Thời gian tổ chức thi tuyển: Dự kiến vào các ngày **12, 13/5/2018** (*Thứ Bảy và Chủ Nhật*)

10.2. Địa điểm tổ chức thi tuyển: Trường Đại học Quy Nhơn.

Ghi chú: Đối với các chuyên ngành có số lượng thí sinh đăng ký dự thi ít, Nhà trường sẽ chuyển sang thi đợt 2 được tổ chức vào tháng 9/2018.

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ:

Phòng Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Quy Nhơn: P.46 - Nhà 15 tầng, 170
An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: (0256) 3518 070; Fax: (0256) 3846 089

Email: psdh@qnu.edu.vn ; Website: <http://pdtsaudaihoc.qnu.edu.vn>

Nơi nhận: 

- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Website BGD&ĐT và Trường ĐHQN;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ



PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC MÔN THI TUYỂN SINH

(Kèm theo Thông báo số 02/TB-ĐHQN ngày 02/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Mã số	Các môn thi tuyển sinh		
			Môn ngoại ngữ	Môn chủ chốt của ngành	Môn chuyên ngành
1	Địa lý tự nhiên	60 44 02 17	Tiếng Anh	Địa lý học	Địa lí tự nhiên Việt Nam
2	Hóa Vô cơ	60 44 01 13	Tiếng Anh	Cơ sở lý thuyết hóa học	Hóa vô cơ-hữu cơ-phân tích
3	Hóa lý thuyết và Hóa lý	60 44 01 19	Tiếng Anh	Cơ sở lý thuyết hóa học	Hóa vô cơ-hữu cơ-phân tích
4	Kế toán	60 34 03 01	Tiếng Anh	Kinh tế học	Nguyên lý kế toán
5	Khoa học máy tính	60 48 01 01	Tiếng Anh	Toán rời rạc	Tin học cơ sở
6	Kỹ thuật điện	60 52 02 02	Tiếng Anh	Lý thuyết mạch điện	Máy điện
7	Kỹ thuật viễn thông	60 52 02 08	Tiếng Anh	Mạch và xử lý tín hiệu	Điện tử số
8	Lịch sử Việt Nam	60 22 03 13	Tiếng Anh	Lý luận Sử học	Lịch sử Việt Nam
9	Ngôn ngữ Anh	60 22 02 01	Tiếng Pháp	Kỹ năng thực hành tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
10	Ngôn ngữ học	60 22 02 40	Tiếng Anh	Ngôn ngữ học đại cương	Việt ngữ học
11	Quản lý giáo dục	60 14 01 14	Tiếng Anh	Giáo dục học	Khoa học quản lý giáo dục
12	Sinh học thực nghiệm	60 42 01 14	Tiếng Anh	Sinh học đại cương	Di truyền-Sinh lý học
13	Văn học Việt Nam	60 22 01 21	Tiếng Anh	Lý luận văn học	Văn học Việt Nam
14	Vật lý chất rắn	60 44 01 04	Tiếng Anh	Toán cho Vật lý	Vật lý chất rắn
15	Đại số và lý thuyết số	60 46 01 04	Tiếng Anh	Giải tích	Đại số
16	Phương pháp toán sơ cấp	60 46 01 13	Tiếng Anh	Giải tích	Đại số
17	Toán giải tích	60 46 01 02	Tiếng Anh	Đại số	Giải tích

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN, NGÀNH
KHÁC VỚI NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ THI
VÀ CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC

(Kèm theo Thông báo số 02/TB-ĐHQN ngày 02/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Chuyên ngành	Ngành đúng, phù hợp	Ngành gần	Các học phần học bổ sung kiến thức đối với ngành gần
1	Địa lý tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> - Sư phạm Địa lý - Địa lý tự nhiên - Địa lý Tài nguyên và môi trường - Khí tượng - Thủy văn - ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Địa lý học - Địa lý tài nguyên - Tài nguyên môi trường - Quản lý đất đai - Lâm nghiệp - ... 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Địa lý tự nhiên đại cương 2. Địa lý Việt Nam 3. Sinh thái cảnh quan và địa sinh vật
2	Hóa Vô cơ	<ul style="list-style-type: none"> - Sư phạm Hóa học - Hóa học 	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ vật liệu - Công nghệ thực phẩm - Công nghệ kỹ thuật môi trường - Hóa dược - Kỹ thuật hoá học - Công nghệ kỹ thuật hóa học - ... 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở hóa lý và hóa lý thuyết 2. Hóa nguyên tố 3. Cơ sở lí thuyết hóa vô cơ 4. Cơ sở lí thuyết hóa hữu cơ 5. Cơ sở lí thuyết hóa phân tích
3	Hóa lý thuyết và Hóa lý	<ul style="list-style-type: none"> - Sư phạm Hóa học - Hóa học - Công nghệ kỹ thuật hóa học (Hoặc Công nghệ hóa học các chuyên ngành Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa dầu, Hóa silicat, Điện hóa, Hóa lý) - Công nghệ kỹ thuật Hóa thực phẩm - Hóa môi trường - Hóa vật liệu - ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật môi trường - Công nghệ môi trường - Công nghệ vật liệu - Hóa sinh - Hóa dược - ... 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhiệt động lực hóa học 2. Động hóa học 3. Điện hóa học và Hóa keo 4. Cơ sở Hóa lượng tử
4	Kế toán	<ul style="list-style-type: none"> - Kế toán - Kiểm toán - Kế toán-Kiểm toán 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế - Tài chính-Ngân hàng - Quản trị kinh doanh - Quản lý kinh tế - ... 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kế toán tài chính 2. Tổ chức hạch toán kế toán 3. Kế toán quản trị 4. Phân tích kinh doanh 5. Kiểm toán căn bản
5	Khoa học máy tính	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học máy tính - Hệ thống thông tin - Sư phạm Tin học - Công nghệ thông tin (Tin học) - Tin học ứng dụng 	<ul style="list-style-type: none"> - Điện tử-Tin học - Vật lý-Tin - Điện tử-Viễn thông - Kỹ thuật điện tử, truyền thông - ... 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhập môn thuật toán 2. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật 3. Toán rời rạc 4. Cơ sở dữ liệu 5. Lập trình hướng đối tượng 6. Ngôn ngữ hình thức

		<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ phần mềm - Công nghệ kỹ thuật máy tính - Mạng máy tính - Kỹ thuật máy tính - Toán - Tin 		<ul style="list-style-type: none"> và automat 7. Trí tuệ nhân tạo 8. Mạng máy tính
6	Kỹ thuật điện	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật điện - Kỹ thuật điện, Điện tử - Công nghệ kỹ thuật điện, Điện tử - Điện công nghiệp và dân dụng - Thiết bị điện, Điện tử - Hệ thống điện - Mạng và Hệ thống điện - Điện khí hóa và cung cấp điện - Sự phạm Kỹ thuật điện, điện tử 	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Tự động hóa - Điều khiển tự động - Đo lường và Tin học công nghiệp - Kỹ thuật nhiệt – điện lạnh - Kỹ thuật cơ – điện tử - Công nghệ Kỹ thuật cơ – điện tử 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mạng cung cấp điện 2. Ngăn mạch trong hệ thống điện 3. Kỹ thuật điện cao áp 4. Bảo vệ rơle trong hệ thống điện 5. Nhà máy điện và trạm biến áp
7	Kỹ thuật viễn thông	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật điện tử, truyền thông - Vô tuyến điện và thông tin liên lạc - Điện tử thông tin - Điện tử viễn thông - Kỹ thuật thông tin - Kỹ thuật viễn thông 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật điện, điện tử - Kỹ thuật máy tính - Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá - Công nghệ thông tin - ... 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông tin quang 2. Thông tin vô tuyến 3. Thông tin số 4. Anten truyền sóng
8	Lịch sử Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử (chung), Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới - Sự phạm Lịch sử, Sự phạm Sử-Chính trị - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Lịch sử Sử học và Sử liệu học, Khảo cổ học - Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam; Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài; Hồ Chí Minh học; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước - Khoa học chính trị; Kinh tế học; Khu vực học; Quốc tế học; Quan hệ quốc tế; Xã hội học và Nhân học; Công tác xã hội; Dân tộc học; Lưu trữ học; Bảo tàng học; Hành chính học (Quản lý Nhà nước) - 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lịch sử thế giới cổ-trung đại 2. Lịch sử thế giới cận-hiện đại 3. Lịch sử Việt Nam cổ-trung đại 4. Lịch sử Việt Nam cận-hiện đại 5. Nhập môn Sử học 6. Phương pháp luận Sử học
9	Ngôn ngữ Anh	<ul style="list-style-type: none"> - Sự phạm Tiếng Anh - Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh/Anh văn) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nga-Anh - Pháp-Anh - Trung-Anh - ... 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghe nâng cao 2. Nói nâng cao 3. Viết nâng cao 4. Đọc nâng cao 5. Lý thuyết tiếng
10	Ngôn ngữ học	<ul style="list-style-type: none"> - Sự phạm Ngữ văn - Ngữ văn - Ngôn ngữ học - Văn học 	<ul style="list-style-type: none"> - Sự phạm Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, ... - Tổng hợp Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, ... - Sự phạm Giáo dục tiểu học - Việt Nam học - Báo chí 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Dẫn luận ngôn ngữ, Ngữ âm, Từ vựng Tiếng Việt 2. Ngữ pháp văn bản, phong cách học Tiếng Việt 3. Ngữ pháp Tiếng Việt 4. Cơ sở ngữ văn Hán Nôm

			<ul style="list-style-type: none"> - Ngữ văn-Báo chí - Hán Nôm - ... 	
11	Quản lý giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý giáo dục - Các ngành có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành so với ngành Quản lý giáo dục 	<ul style="list-style-type: none"> - Các ngành khoa học giáo dục - Các ngành đào tạo giáo viên 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tâm lý học quản lý 2. Tâm lý học đại cương 3. Giáo dục học đại cương 4. Lý luận dạy học 5. Lý luận giáo dục 6. Khoa học Quản lý giáo dục
12	Sinh học thực nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh học - Sư phạm Sinh học - Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp - Nông học 	<ul style="list-style-type: none"> - Lâm nghiệp - Chăn nuôi - Bảo vệ thực vật - Thủy sản - Thú y - Trồng trọt - Công nghệ sinh học - Sinh học môi trường - ... 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Sinh lý học thực vật 2. Sinh lý học động vật 3. Trồng trọt 4. Chăn nuôi
13	Văn học Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Sư phạm Ngữ văn - Ngữ văn - Ngôn ngữ học - Văn học 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo chí - Việt Nam học - Đông phương học - Hán Nôm - Sáng tác văn học - ... 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lý luận văn học 2. Văn học dân gian và văn học Trung đại Việt Nam 3. Văn học hiện đại Việt Nam 4. Cơ sở ngữ văn Hán Nôm
14	Vật lý chất rắn	<ul style="list-style-type: none"> - Sư phạm Vật lý - Cử nhân Vật lý hoặc Kỹ sư Vật lý - Sư phạm Lý – Kỹ thuật công nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học vật liệu - Vật lý lý thuyết - Vật lý hạt nhân - Thiên văn học - Cử nhân các ngành Hóa, Khoa học trái đất, Khoa học môi trường - Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ học lượng tử 2. Vật lý chất rắn đại cương 3. Vật liệu tiên tiến và ứng dụng 4. Kỹ thuật phân tích vật liệu 5. Phương pháp toán lý 6. Vật liệu bán dẫn và điện môi
15	Đại số và Lý thuyết số	<ul style="list-style-type: none"> - Sư phạm Toán - Toán học - Toán học ứng dụng - Toán cơ 	Toán-Tin	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giải tích hàm 2. Đại số đại cương 3. Giải tích số
16	Toán Giải tích			
17	Phương pháp Toán sơ cấp			

Ghi chú: Đối với đối tượng dự thi thuộc ngành gần, ngành khác với ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi, căn cứ vào bảng điểm tốt nghiệp đại học của thí sinh đăng ký dự thi, Phòng Đào tạo sau đại học phối hợp với các khoa chuyên môn đề xuất các học phần bổ sung kiến thức phù hợp.